

Bản án số: 10/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 16 - 6 - 2020.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hợi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị S, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Trà Chanh B, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Sơn Ngọc Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Tân Quy A, xã Tân Hưng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 23/12/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 01/6/2020 bà Lý Thị S trình bày: Bà S và ông Sơn Ngọc Q tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến tháng 9/2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ đó bất đồng ý kiến trong cuộc sống và thường xuyên cãi vã qua lại nên cuộc sống không hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì bà S và

ông Q có liên lạc với nhau nhưng không thể hàng gần tình cảm. Trong thời gian chung sống có 02 người con chung là Sơn Huỳnh T, sinh ngày 27/10/2005 và Sơn Lý Ngọc L, sinh ngày 08/4/2015 hiện nay sống chung với bà S. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bà Lý Thị S yêu cầu ly hôn với ông Sơn Ngọc Q; yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà S không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Sơn Ngọc Q: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Q nhưng ông Q không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Q 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông Q vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Sơn Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Sơn Ngọc Q chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Lý Thị S và ông Sơn Ngọc Q đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị S; giao cháu Sơn Huỳnh T và Sơn Lý Ngọc L cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Lý Thị S và bị đơn ông Sơn Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà S và ông Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lý Thị S và ông Sơn Ngọc Q tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà S, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà S cho rằng nguyên nhân do ông Q có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ đó bắt

đồng ý kiến trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã qua lại nên cuộc sống không hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà S và ông Q có liên lạc với nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà S và ông Q đoàn tụ với nhau nhưng ông Q vẫn vắng mặt và bà S vẫn kiên quyết ly hôn với ông Q vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà S và ông Q đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà S xin ly hôn với ông Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà S được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Bà Lý Thị S xác định trong thời gian chung sống, bà S và ông Sơn Ngọc Q có 02 người con chung là Sơn Huỳnh T, sinh ngày 27/10/2005 và Sơn Lý Ngọc L, sinh ngày 08/4/2015 đang sống chung với bà S; bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà S và ông Q sống ly thân cho đến nay cháu T và cháu L do bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời, quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến thì cháu T có nguyện vọng sống chung với bà S. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu L, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu T và cháu L cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Q mà không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị S không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị S xác định trong thời gian chung sống bà S và ông Sơn Ngọc Q không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Lý Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Sơn Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị S được ly hôn với ông Sơn Ngọc Q.

1.2. Về con chung: Giao cháu Sơn Huỳnh T, sinh ngày 27/10/2005 và cháu Sơn Lý Ngọc L, sinh ngày 08/4/2015 cho bà Lý Thị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Sơn Ngọc Q không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Q mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị S xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002470 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lý Thị S đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Sơn Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Văn Hoi**